

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DU HỌC BMN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DU HỌC BMN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BMN TRADING AND STUDY ABROAD JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BMN TRADING AND STUDY ABROAD., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110616313

3. Ngày thành lập: 29/01/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 222 Phố Hoàng Ngân, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912459222

Fax:

Email: Duhocbm@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ đấu giá)	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
10.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230

11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa - Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu	8299
12.	Giáo dục nhà trẻ	8511
13.	Giáo dục mẫu giáo	8512
14.	Giáo dục tiểu học	8521
15.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
16.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
17.	Đào tạo sơ cấp	8531
18.	Đào tạo trung cấp	8532
19.	Đào tạo cao đẳng	8533
20.	Đào tạo đại học	8541
21.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
22.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
23.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;	8559
24.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. + Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	8560(Chính)
25.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
26.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
27.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ Hoạt động của các sàn nhảy và Hoạt động của các phòng hát karaoke)	9329
28.	Lập trình máy vi tính	6201
29.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
30.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
31.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
32.	Cổng thông tin Chi tiết: Thiết lập Trang thông tin điện tử tổng hợp (Trừ hoạt động báo chí)	6312

33.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản	6810
34.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
35.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020
36.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
37.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
38.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
39.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
40.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
41.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
42.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
43.	Hoạt động nhiếp ảnh Chi tiết: - Chụp ảnh cho tiêu dùng và thương mại: + Chụp ảnh chân dung cho hộ chiếu, thẻ, đám cưới..., + Chụp ảnh cho mục đích thương mại, xuất bản, thời trang, bất động sản hoặc du lịch, + Quay video: Đám cưới, hội họp...; (Loại trừ Hoạt động của phóng viên ảnh và sản xuất phim)	7420
44.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn chuyển giao công nghệ (Luật chuyển giao công nghệ); - Tư vấn về công nghệ khác	7490
45.	Cho thuê xe có động cơ	7710
46.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
47.	In ấn (Trừ loại Nhà nước cấm)	1811
48.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ loại Nhà nước cấm)	1812

49.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Logistics - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. (Trừ Tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)	5229
51.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
52.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
53.	Đại lý du lịch	7911
54.	Điều hành tua du lịch	7912
55.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
56.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
57.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
58.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
59.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
60.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
61.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
62.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
63.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
64.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

65.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hoả, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773
-----	---	------

6. **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HUỆ	Thôn Tràng Kỹ, Xã Tân Trường, Huyện Cẩm Giăng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	0301910081 09	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000		

2	PHẠM ĐÌNH TRẮNG	Thôn Mỹ Khê, Xã Vĩnh Hồng, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	90,000	0300900008 44	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	90,000		
3	NGUYỄN THỊ NHÃN	Thôn Tràng Kỹ, Xã Tân Trường, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	0301960013 50	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM ĐÌNH TRÁNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/04/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030090000844

Ngày cấp: 08/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn My Khê, Xã Vĩnh Hồng, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn My Khê, Xã Vĩnh Hồng, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội